

MỤC LỤC

1. Mục lục	1
2. Các chỉ số Đại Tổng Giám đốc	1-4
3. Báo cáo kinh doanh độc lập	5-10
4. Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11-16
5. Báo cáo kết quả tình hình kinh doanh độc lập theo quý	17-21
6. Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	22-27
7. Báo cáo tình hình kinh doanh độc lập theo quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	28-31

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015
CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	14 - 41

T. C. P. * DN/19.

T. C. P. * M.S.C.N.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ntaco (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu vốn từ Công ty TNHH Tuấn Anh – Thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 5202000016 ngày 15 tháng 8 năm 2000 và Giấy phép kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 30 tháng 12 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600513044 ngày 11 tháng 4 năm 2007. Trong quá trình hoạt động Công ty đã 06 lần được cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi về ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ và người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 99 Hùng Vương, KCN Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
- Điện thoại : 076.3931477
- Fax : 076.3932477

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Chế biến thủy sản, chế biến và kinh doanh phụ phẩm bột, xương cá, mỡ cá;
- Nuôi cá;
- Mua bán cá và thủy sản;
- Sản xuất thức ăn chăn nuôi;
- Chế biến mua bán nông sản;
- Xây xát lúa thóc, đánh bóng gạo;
- Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi;
- San lấp mặt bằng;
- Khai thác cát sỏi;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Mua bán phân bón;
- Gia công hàn tiện, lắp ráp các sản phẩm cơ khí cháy nổ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2016
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2016
Ông Mạc Quang Huy	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2015
Ông Mạc Quang Huy	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 9 năm 2016
Ông Hồ Mạnh Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015
Ông Nguyễn Hải Văn Chung	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015
Ông Nguyễn Đức Quân	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015
Ông Nguyễn Tuấn Sĩ	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Dung	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015
Bà Lê Thị Bích Thủy	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Thanh Hồng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2012
Bà Trần Thị Kiều Trang	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2012
Ông Phạm Hữu Minh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2012

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Dung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2011
Bà Huỳnh Thị Tuyết Trinh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2015
Ông Lý Vĩ Phát	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2015
Bà Phạm Thanh Trúc	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2015
Bà Phạm Thanh Trúc	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 9 năm 2016

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2015

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thanh Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 9 năm 2016

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C ACCOUNTING AND CONSULTING CO., LTD.
Số: 461/2016/BCTC-KTTV



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khánh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyễn Giáp St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Ntaco (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 19 tháng 9 năm 2016, từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Chúng tôi được bổ nhiệm kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 vào ngày 16 tháng 5 năm 2016, do đó chúng tôi đã không được chứng kiến việc kiểm kê thực tế hàng tồn kho tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 với giá trị được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán lần lượt là 364.373.357.559 VND và 398.830.760.408 VND. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế bằng việc chứng kiến kiểm kê thực tế hàng tồn kho tại thời điểm ngày 20 tháng 5 năm 2016 và kiểm tra chứng từ liên quan đến hàng tồn kho phát sinh trong năm 2016 cho đến thời điểm kiểm kê. Tuy nhiên, các thủ tục kiểm toán thay thế cũng không cung cấp cho chúng tôi đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp đối với số lượng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Căn cứ kết quả kiểm kê tại ngày 20 và 21 tháng 5 năm 2016, Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định thực tế trong kho không còn tồn nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm nên đã trình Hội đồng quản trị phương án xử lý tồn thất bằng cách hạch toán toàn bộ giá trị hàng tồn kho vào chi phí khác trong năm 2015 (xem thuyết minh số VI.9 trang 32). Do không được cung cấp đầy đủ tài liệu liên quan đến hạch toán kế toán hàng tồn kho trong năm 2015 và các năm trước nên chúng tôi không có căn cứ để xác định việc hạch toán toàn bộ giá trị hàng tồn kho vào chi phí năm 2015 là phù hợp.

Chúng tôi đã thực hiện gửi thư xác nhận công nợ phải thu, phải trả đến các đối tượng liên quan. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi không thu thập được bất cứ thư xác nhận phản hồi nào. Bên cạnh đó, sổ kế toán chi tiết công nợ phải thu, phải trả của một số đối tượng hạch toán một số nghiệp vụ có nội dung không phù hợp. Chúng tôi cũng không được cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ chứng minh cho các khoản công nợ phải thu, phải trả. Do đó chúng tôi không thể xác nhận hoặc kiểm tra bằng các phương pháp thay thế khác đối với các khoản công nợ phải thu với số tiền là 205.852.137.877 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015) và 190.335.761.473 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2015) và các khoản công nợ phải trả với số tiền là 3.396.428.834 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 4.492.404.472 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2015). Ngoài ra, Công ty đã thực hiện đánh giá tính rủi ro của các tài sản là nợ phải thu nên đã trình Hội đồng quản trị phương án xử lý bằng cách thực hiện trích lập dự phòng tồn thất tương ứng 50% giá trị các khoản nợ vào kết quả kinh doanh năm 2015. Số còn lại được theo dõi tiếp để tìm hồ sơ, chứng từ, xác minh nợ thực tế và đôn đốc thu hồi nếu có.

Chi tiết số dư các khoản mục là công nợ như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải thu	205.852.137.877	190.335.761.473
Khoản mục Phải thu khách hàng	125.665.785.783	110.120.295.561
Khoản mục Trả trước cho người bán	68.666.843.861	68.695.957.679
Khoản mục Phải thu về cho vay ngắn hạn	10.480.000.000	10.480.000.000
Khoản mục Phải thu ngắn hạn khác	731.528.437	731.528.437
Khoản mục Phải thu dài hạn khác	307.979.796	307.979.796
Nợ phải trả	3.396.428.834	4.492.404.472
Khoản mục Người mua trả tiền trước ngắn hạn	641.960.760	1.700.970.930
Khoản mục Phải trả khác ngắn hạn	2.754.468.074	2.791.433.542
Cộng	209.248.566.711	194.828.165.945

Do những vấn đề nêu trên, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với hàng tồn kho, công nợ phải thu, phải trả đã được ghi nhận và chưa được ghi nhận, cũng như các khoản mục liên quan của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Năm 2015 Công ty tiếp tục bị lỗ 425.667.351.283 VND, lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 420.866.056.401 VND và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 353.663.228.878 VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 17 tháng 3 năm 2015.

Như một phần của cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, chúng tôi đã kiểm toán những điều chỉnh được mô tả tại thuyết minh số VII.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính được áp dụng để sửa đổi Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Theo ý kiến của chúng tôi, những điều chỉnh này là hợp lý và đã được áp dụng thích hợp. Ngoài việc kiểm tra những điều chỉnh này, chúng tôi không thực hiện kiểm toán, soát xét hay áp dụng bất kỳ thủ tục kiểm toán nào đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty và theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến hay một hình thức đảm bảo nào khác về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 xét trên phương diện tổng thể.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Phạm Quang Huy - Phó Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1409-2013-008-1

Trần Kim Anh - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1907-2013-008-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		111.307.152.526	611.907.277.743
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.491.188.857	876.602.038
1.	Tiền	111		1.491.188.857	876.602.038
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		109.815.963.669	208.392.374.460
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	145.417.476.960	131.050.673.051
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	69.119.430.474	80.231.930.065
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	10.480.000.000	10.480.000.000
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	4.129.808.660	2.668.532.158
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(119.496.529.992)	(16.204.538.381)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		165.777.567	165.777.567
IV.	Hàng tồn kho	140		-	398.830.760.408
1.	Hàng tồn kho	141	V.8	-	398.830.760.408
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		-	3.807.540.837
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	3.807.540.837
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		52.797.152.477	139.935.664.925
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		153.989.898	307.979.796
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	307.979.796	307.979.796
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.7	(153.989.898)	-
II. Tài sản cố định	220		52.126.230.143	133.270.738.503
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	45.642.810.143	65.834.054.677
<i>Nguyên giá</i>	222		115.939.559.159	136.623.325.205
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(70.296.749.016)	(70.789.270.528)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	6.483.420.000	67.436.683.826
<i>Nguyên giá</i>	228		6.483.420.000	67.436.683.826
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		31.814.078	5.814.606.784
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	31.814.078	5.814.606.784
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		29.264.358	29.264.358
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	1.335.000.000	1.335.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2	(1.305.735.642)	(1.305.735.642)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		455.854.000	513.075.484
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		455.854.000	513.075.484
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		164.104.305.003	751.842.942.668

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		464.970.381.404	627.041.667.786
I. Nợ ngắn hạn	310		464.970.381.404	627.041.667.786
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	7.779.350.340	111.640.455.085
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	1.136.276.190	2.165.142.186
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	804.852.554	114.358.122
4. Phải trả người lao động	314		1.374.702.000	1.294.876.840
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	102.285.141.707	51.751.919.568
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	3.454.455.195	67.387.058.168
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	347.894.974.078	392.432.182.477
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	240.629.340	255.675.340
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(300.866.076.401)	124.801.274.882
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	(300.866.076.401)	124.801.274.882
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		119.999.980.000	119.999.980.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		119.999.980.000	119.999.980.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(420.866.056.401)	4.801.294.882
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.801.294.882	4.801.294.882
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(425.667.351.283)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		164.104.305.003	751.842.942.668

Người lập biểu

Trần Minh Trọng

Kế toán trưởng

Trần Minh Trọng

Lập, ngày 19 tháng 9 năm 2016

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	84.624.272.838	253.930.477.292
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	553.057.648
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		84.624.272.838	253.377.419.644
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	93.025.232.025	220.148.214.375
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(8.400.959.187)	33.229.205.269
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.520.649.431	3.131.097.163
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	50.774.817.119	41.491.744.499
Trong đó: chi phí lãi vay	23		50.737.708.884	39.925.515.175
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	658.947.196	2.725.114.392
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	116.531.097.363	15.342.102.062
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(174.845.171.434)	(23.198.658.521)
11. Thu nhập khác	31	VI.8	157.133.159.491	643.360.896
12. Chi phí khác	32	VI.9	407.955.339.340	1.143.052.262
13. Lợi nhuận khác	40		(250.822.179.849)	(499.691.366)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(425.667.351.283)	(23.698.349.887)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(425.667.351.283)	(23.698.349.887)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(35.472)	(1.975)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	(35.472)	(1.975)

10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

Lập, ngày 19 tháng 9 năm 2016

Người lập biểu

Trần Minh Trọng

Kế toán trưởng

Trần Minh Trọng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Sơn



81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(425.667.351.283)	(23.698.349.887)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9	7.454.751.947	10.212.613.837
- Các khoản dự phòng	03	VI.7	103.445.981.509	6.728.750.309
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	(24.486)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		32.631.618.805	(2.728.193.128)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	50.737.708.884	39.925.515.175
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(231.397.314.624)	30.440.336.306
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		775.758.211	(66.589.490.314)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		398.830.760.408	22.181.363.527
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(175.132.046.760)	58.553.962.871
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.377.540.379	828.786.433
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(174.612.085)	(2.149.141.092)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(147.749.143)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(15.046.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.734.960.471)	43.118.068.588
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(81.509.716)	(314.924.520)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		47.968.240.919	2.769.865.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(10.400.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	23.820.500.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	102.717.721
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		47.886.731.203	15.978.158.656

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	37.565.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.17	(44.537.208.399)	(97.420.817.523)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(44.537.208.399)</i>	<i>(59.855.817.523)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	614.562.333	(759.590.279)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	876.602.038	1.636.192.317
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	24.486	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	<u>1.491.188.857</u>	<u>876.602.038</u>

Lập, ngày 19 tháng 9 năm 2016

Người lập biểu


Trần Minh Trọng

Kế toán trưởng


Trần Minh Trọng

Tổng Giám đốc

CÔNG TY
CP
NTACO
TP. LONG XUYỀN - T. AN GIANG

Nguyễn Thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ntaco (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là chế biến thủy sản và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chế biến thủy sản, chế biến và kinh doanh phụ phẩm bột, xương cá, mỡ cá; Nuôi cá; Mua bán cá và thủy sản; Sản xuất thức ăn chăn nuôi; Chế biến mua bán nông sản;

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán báo số

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Chế biến thức ăn thủy sản Việt Thái	Tổ 18, Quốc lộ 91, ấp Bình An I, xã An Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang
Nhà máy bao bì Vạn Lợi	Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Công ty và Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 do vậy các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 489 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 370 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhận với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán có đủ hồ sơ chứng minh:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu không còn hồ sơ chứng minh: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng là 50%.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 45
Máy móc và thiết bị	8 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo).

lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

19. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	241.959.850	350.018.866
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.249.229.007	526.583.172
Cộng	1.491.188.857	876.602.038

2. Các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Âu Việt ⁽ⁱ⁾	1.335.000.000	(1.305.735.642)	1.335.000.000	(1.305.735.642)
Cộng	1.335.000.000	(1.305.735.642)	1.335.000.000	(1.305.735.642)

- ⁽ⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và đăng ký thuế số 1501406567 ngày 27 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 05 tháng 05 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Âu Việt 1.335.000.000 VND, tương đương 15% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.305.735.642	-
Trích lập dự phòng bổ sung	-	1.305.735.642
Số cuối năm	1.305.735.642	1.305.735.642

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>145.417.476.960</i>	<i>131.050.673.051</i>
<u>Các đối tượng không tìm thấy hồ sơ chứng minh công nợ</u>	<u>125.665.785.783</u>	<u>110.120.295.561</u>
Công ty Binca Seafoods GMBH	65.567.144.430	49.958.094.913
Khách vãng lai	15.774.909.805	15.774.819.880
Vùng nuôi sinh thái công ty	14.365.311.684	14.365.311.684
Cao Văn Giàu	12.135.000.000	12.135.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngô Thanh Liêm	10.891.244.000	10.928.000.000
Vùng nuôi thủy sản Công ty	3.820.000.000	3.820.000.000
Các khách hàng khác	3.112.175.864	3.139.069.084
<u>Các đối tượng phát sinh lâu ngày không đối chiếu xác nhận công nợ</u>	<u>16.835.270.354</u>	<u>16.835.270.354</u>
Pescados P.C.S., S.L	10.816.638.310	10.816.638.310
Global Tradings Ltd	4.182.076.555	4.182.076.555
Công ty TNHH Mekong	577.500.165	577.500.165
Camarones Pena Blanca S.A. De C.V.	958.304.089	958.304.089
Công ty Cổ phần TMDV XNK Thủy sản VIETFISH	221.415.000	221.415.000
Công ty Cổ phần ĐT & PT Đa Quốc Gia I.D.I	39.517.569	39.517.569
Công ty TNHH Thủy sản Panga Mekong	39.818.666	39.818.666
<u>Các đối tượng khác</u>	<u>2.916.420.823</u>	<u>4.095.107.136</u>
Công ty TNHH Thủy Sản Biển Đông	2.266.967.195	
Công ty TNHH Bình Long	367.681.578	374.116.578
Công ty Cổ phần CBTP Sông Hậu	130.000.000	215.987.000
Các khách hàng khác	151.772.050	3.505.003.558
Cộng	<u>145.417.476.960</u>	<u>131.050.673.051</u>
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	9.227.086.320
Ông Nguyễn Tuấn Sĩ	-	9.227.086.320
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	69.119.430.474	71.004.843.745
<u>Các đối tượng không tìm thấy hồ sơ chứng minh công nợ</u>	<u>68.666.843.861</u>	<u>68.695.957.679</u>
Ông Ngô Thanh Liêm	47.679.641.787	47.708.755.605
Cao Văn Giàu	5.666.267.593	5.666.267.593
Nguyễn Hiền	5.000.000.000	5.000.000.000
Ông Nguyễn Thành Công	7.832.127.990	7.832.127.990
Vùng nuôi thủy sản Công ty	2.488.806.491	2.488.806.491
<u>Các đối tượng khác</u>	<u>452.586.613</u>	<u>2.308.886.066</u>
Cộng	<u>69.119.430.474</u>	<u>80.231.930.065</u>
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác không tìm thấy hồ sơ chứng minh công nợ</i>	10.480.000.000	10.480.000.000
Cho Bà Trịnh Thị Kim Sang vay, lãi suất 1,2%/tháng	2.000.000.000	2.000.000.000
Cho Bà Lê Thị Phùng vay, lãi suất 1,2%/tháng	1.600.000.000	1.600.000.000
Cho Ông Lâm Hồng Nam vay, lãi suất 1,2%/tháng	1.500.000.000	1.500.000.000
Cho Bà Lê Thị Lệ Thủy vay, lãi suất 1,2%/tháng	1.500.000.000	1.500.000.000
Cho Bà Trần Thị Bích Ngọc vay, lãi suất 1,2%/tháng	1.200.000.000	1.200.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho Bà Lâm Thị Phụng vay, lãi suất 1,2%/tháng	1.000.000.000	1.000.000.000
Cho Bà Trương Thị Bảy vay, lãi suất 1,2%/tháng	1.000.000.000	1.000.000.000
Cho Ông Nguyễn Văn Hiền vay, lãi suất 1,2%/tháng	600.000.000	600.000.000
Cho Ông Trần Văn Sê vay, lãi suất 1,5%/tháng	80.000.000	80.000.000
Cộng	<u>10.480.000.000</u>	<u>10.480.000.000</u>

6. Phải thu khác**6a/ Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	4.129.808.660	(365.764.219)	2.668.532.158	-
Tạm ứng	4.960.000	-	299.667.495	-
Lãi dự thu	3.032.400.000	-	1.520.400.000	-
Các khoản phải thu không tìm thấy hồ sơ chứng minh công nợ	731.528.437	(365.764.219)	731.528.437	-
Các khoản khác	360.920.223	-	116.936.226	-
Cộng	<u>4.129.808.660</u>	<u>(365.764.219)</u>	<u>2.668.532.158</u>	-

6b/ Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác không tìm thấy hồ sơ chứng minh công nợ</i>	307.979.796	(153.989.898)	307.979.796	-
Ký cược, ký quỹ	307.979.796	(153.989.898)	307.979.796	-
Cộng	<u>307.979.796</u>	<u>(153.989.898)</u>	<u>307.979.796</u>	-

7. Dự phòng phải thu khó đòi

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	<u>Phải thu và</u> <u>cho vay ngắn hạn</u>	<u>Phải thu và</u> <u>cho vay dài hạn</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	(16.204.538.381)	-	(16.204.538.381)
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	(103.291.991.611)	(153.989.898)	(103.445.981.509)
Hoàn nhập dự phòng	-	-	-
Số cuối năm	<u>(119.496.529.992)</u>	<u>(153.989.898)</u>	<u>(119.650.519.890)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	6.513.380.611	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	540.349.762	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	223.883.073.631	-
Thành phẩm	-	-	167.893.956.404	-
Cộng	-	-	398.830.760.408	-

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	51.405.864.239	79.103.487.242	4.921.945.019	1.192.028.705	136.623.325.205
Đầu tư XD/CB hoàn thành	1.525.775.015	-	-	-	1.525.775.015
Giảm do điều chỉnh theo Thông tư 45/TT-BTC	-	(838.715.723)	(181.742.800)	(152.909.043)	(1.173.367.566)
Thanh lý, nhượng bán	(10.224.827.431)	(8.192.450.799)	(2.313.876.087)	(305.019.178)	(21.036.173.495)
Số cuối năm	42.706.811.823	70.072.320.720	2.426.326.132	734.100.484	115.939.559.159
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		27.301.025.672	536.622.400	267.455.844	28.105.103.916
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	24.165.381.917	43.428.287.994	2.362.024.648	833.575.969	70.789.270.528
Khấu hao trong năm	2.445.665.772	4.678.679.258	240.206.253	90.200.664	7.454.751.947
Phân loại lại	(8.552.567.417)	6.866.004.892	1.621.119.371	65.443.154	-
Giảm do điều chỉnh theo Thông tư 45/TT-BTC	-	(447.913.318)	(134.899.720)	(152.909.040)	(735.722.078)
Thanh lý, nhượng bán	(374.365.076)	(4.477.298.346)	(2.189.471.771)	(170.416.188)	(7.211.551.381)
Số cuối năm	17.684.115.196	50.047.760.480	1.898.978.781	665.894.559	70.296.749.016
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	27.240.482.322	35.675.199.248	2.559.920.371	358.452.736	65.834.054.677
Số cuối năm	25.022.696.627	20.024.560.240	527.347.351	68.205.925	45.642.810.143

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 39.310.797.971 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

nhánh An Giang và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Giang.

10. Tài sản cố định vô hình

Là giá trị quyền sử dụng đất

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	67.436.683.826		67.436.683.826
Thanh lý, nhượng bán	(60.953.263.826)		(60.953.263.826)
Số cuối năm	6.483.420.000		6.483.420.000

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	455.854.000	-	(455.854.000)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	1.913.243.456	31.814.078	(1.525.775.015)	(387.468.441)	31.814.078
<i>Công trình khu nuôi cá</i>	<i>847.619.048</i>	<i>-</i>	<i>(847.619.048)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Công trình nhà máy tấm bột</i>	<i>678.155.967</i>	<i>-</i>	<i>(678.155.967)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Công trình mở rộng nhà máy đông lạnh</i>	<i>127.595.516</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>(127.595.516)</i>	<i>-</i>
<i>Công trình sân tennis</i>	<i>217.052.148</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>(217.052.148)</i>	<i>-</i>
<i>Công trình mở rộng nhà máy Việt Thái</i>	<i>-</i>	<i>31.814.078</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>31.814.078</i>
<i>Công trình khác</i>	<i>42.820.777</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>(42.820.777)</i>	<i>-</i>
Sửa chữa lớn tài sản cố định	3.445.509.328	49.695.638	-	(3.495.204.966)	-
Cộng	5.814.606.784	81.509.716	(1.981.629.015)	(3.882.673.407)	31.814.078

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>65.882.595</i>	<i>-</i>
Bà Nguyễn Thị Dung	65.882.595	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>7.713.467.745</i>	<i>111.640.455.085</i>
Công ty Cổ phần Thủy sản Gentraco	873.459.321	873.459.321
Công ty Cổ phần Âu Việt	6.000.000.000	106.506.327.537
Công ty Cổ phần Châu Á	-	2.316.280.865
Các nhà cung cấp khác	840.008.424	1.944.387.362
Cộng	7.779.350.340	111.640.455.085

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	1.136.276.190	2.165.142.186
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang	-	396.943.326
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang	67.227.930	67.227.930
Các khách hàng khác	427.087.500	-
Các khách hàng khác không tìm thấy hồ sơ chứng minh công nợ	641.960.760	1.700.970.930
Cộng	1.136.276.190	2.165.142.186

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	1.180.883.218	(823.344.330)	-	357.538.888
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	12.579.778	(12.579.778)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	16.408.406	(16.408.406)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.467.990	-	-	-	24.467.990
Thuế thu nhập cá nhân	33.052.172	233.606.188	(229.247.517)	(28.397.989)	9.012.854
Thuế tài nguyên	21.248.000	6.000.000	(7.440.000)	(18.608.000)	1.200.000
Tiền thuế đất	35.589.960	796.566.960	(398.283.480)	(35.589.960)	398.283.480
Các loại thuế khác	-	20.349.342	(6.000.000)	-	14.349.342
Cộng	114.358.122	2.266.393.892	(1.493.303.511)	(82.595.949)	804.852.554

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hàng hóa xuất khẩu	0%
Gia công	5%
Hàng hóa tiêu thụ nội địa	10%
Cá fillet và phụ phẩm cá tươi	Không chịu thuế

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 52121000085 của UBND tỉnh An Giang ký ngày 10 tháng 10 năm 2007, đối với dự án Chế biến thức ăn thủy sản Việt Thái thì Công ty được áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% cho 12 năm và miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm đầu, và giảm 50% cho 07 năm tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các thu nhập từ hoạt động khác chịu thuế suất theo thuế suất phổ thông.

Công ty xác định trong năm 2015 không phát sinh nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	102.285.141.707	51.751.919.568
Chi phí lãi vay phải trả	102.285.141.707	51.722.044.908
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	29.874.660
Cộng	102.285.141.707	51.751.919.568

16. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	19.567.168.000
Ông Nguyễn Tuấn Anh	-	19.567.168.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	3.454.455.195	47.819.890.168
Kinh phí công đoàn	47.383.360	2.988.000
BHXH, BHYT, BHTN	497.028.075	435.344.901
Công ty Cổ phần Châu Á	-	44.515.074.244
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	155.575.686	75.049.481
Các khoản phải trả ngắn hạn khác không tìm thấy hồ sơ chứng minh công nợ	2.754.468.074	2.791.433.542
Cộng	3.454.455.195	67.387.058.168

17. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	600.000.000	-
Vay Bà Nguyễn Thị Dung ^(vi)	-	-	600.000.000	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	347.894.974.078	-	391.832.182.477	-
Vay ngắn hạn ngân hàng	346.894.974.078	-	390.832.182.477	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang ^(vi)	238.709.797.400	-	278.724.200.000	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Giang ^(vi)	28.780.000.000	-	29.050.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang ⁽ⁱⁱⁱ⁾	74.292.000.000	-	74.547.752.526	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh An Giang ^(iv)	3.512.715.551	-	5.259.800.999	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam ^(v)	1.600.461.127	-	3.250.428.952	-
Vay ngắn hạn các cá nhân Ông Dương Thái Nguyên ^(vi)	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Cộng	347.894.974.078	-	392.432.182.477	-

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang theo hợp đồng hạn mức tín dụng 201/2010/NHNT.AG ngày 15/6/2010 và các hợp đồng cho vay từng lần (đính kèm theo hợp đồng 201/2010/NTNT.AG) với mục đích cho vay bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất nhà máy, văn phòng làm việc và máy móc thiết bị.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Giang theo hợp đồng tín dụng số 47/2013/HĐTD ngày 22/5/2013. Hạn mức cho vay là 50 tỷ đồng, thời gian vay tính theo từng giấy nhận nợ và tối đa là 6 tháng. Mục đích vay bổ sung vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh chế biến. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Hình thức đảm bảo là Quyền sở hữu công trình xây dựng, máy móc, thiết bị.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang theo hợp đồng số 48/2014/HĐTDXH.SĐ-NPPT-ĐT.AG, ngày 19/5/2014. Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất, cầm cố số dư tiền gửi và lãi phát sinh từ các hợp đồng tiền gửi, bao gồm: tài sản gắn liền với đất của bên thứ 3 là Công ty Cổ phần Châu Á. Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 02/2011/HĐTCQSDTS-NHPT. Cầm cố số dư tiền gửi của Công ty Cổ phần Ntaco tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Cầm cố lãi tiền gửi phát sinh từ các hợp đồng tiền gửi được tính bổ sung vào giá trị tài sản đảm bảo.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh An Giang theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 068/2010/HĐTD-DN.LX ngày 20 tháng 05 năm 2010 và các hợp đồng sửa đổi cấp hạn mức tín dụng. Mục đích bổ sung vốn lưu động. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Hình thức bảo đảm tiền vay là hàng tồn kho cá thành phẩm.
- (v) Khoản Vay ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) theo hợp đồng tín dụng nguyên tắc số 0015/HDDTN2-VIB621/1.1 ngày 16/03/2011 và các phụ lục hợp đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động kinh doanh cá tra, basa fillet xuất khẩu. Lãi suất vay theo từng thời điểm nhận nợ. Hình thức bảo đảm là hàng tồn kho luân chuyển là các loại cá tra fillet thành phẩm đủ tiêu chuẩn xuất khẩu được bảo quản tại kho 1 và kho 2 của công ty tọa lạc tại số 99 Hùng Vương, KCN phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang và dây chuyền thiết bị đồng bộ sản xuất bột cá từ phế phẩm cá tra, basa.
- (vi) Khoản vay Ông Dương Thái Nguyên và Bà Nguyễn Thị Dung không có tài sản đảm bảo với lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	390.832.182.477	-	(43.937.208.399)	346.894.974.078
Vay ngắn hạn các cá nhân	1.600.000.000	-	(600.000.000)	1.000.000.000
Cộng	392.432.182.477	-	(44.537.208.399)	347.894.974.078

Toàn bộ các khoản vay trên đều đã quá hạn thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	238.411.277	(700.000)	237.711.277
Quỹ phúc lợi	17.264.063	(14.346.000)	2.918.063
Cộng	255.675.340	(15.046.000)	240.629.340

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	119.999.980.000	29.095.801.488	149.095.781.488
Lợi nhuận trong năm trước	-	(23.698.349.887)	(23.698.349.887)
Trích lập các quỹ	-	(596.156.719)	(596.156.719)
Số dư cuối năm trước	119.999.980.000	4.801.294.882	124.801.274.882
Số dư đầu năm nay	119.999.980.000	4.801.294.882	124.801.274.882
Lợi nhuận trong năm nay	-	(425.667.351.283)	(425.667.351.283)
Số dư cuối năm nay	119.999.980.000	(420.866.056.401)	(300.866.076.401)

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo).

19b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.999.998	11.999.998
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	11.999.998	11.999.998
- Cổ phiếu phổ thông	11.999.998	11.999.998
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.999.998	11.999.998
- Cổ phiếu phổ thông	11.999.998	11.999.998
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

20a. Tài sản nhận giữ hộ

	<u>Số lượng</u>	<u>Chủng loại</u>	<u>Quy cách</u>	<u>Phẩm chất</u>
Thành phẩm gia công cho Công ty TNHH Thủy sản Biển Đông	25.953,336 kg	Cá fillet	BLOCK - IQF	Bình thường

20b. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	1.100,00	1.526,90

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	23.199.090.282	137.636.665.762
Doanh thu cung cấp dịch vụ	53.434.775.328	116.293.811.530
Doanh thu khác	7.990.407.228	-
Cộng	<u>84.624.272.838</u>	<u>253.930.477.292</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giảm giá hàng bán	-	553.057.648
Cộng	<u>-</u>	<u>553.057.648</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo).**3. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	38.046.735.638	166.356.008.640
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	39.437.432.573	53.792.205.735
Giá vốn khác	15.541.063.814	-
Cộng	<u>93.025.232.025</u>	<u>220.148.214.375</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	6.811.805	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn, lãi cho vay	1.512.000.000	3.052.892.911
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.515.650	78.204.252
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	24.486	-
Doanh thu tài chính khác	297.490	-
Cộng	<u>1.520.649.431</u>	<u>3.131.097.163</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	50.737.708.884	39.925.515.175
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	37.108.235	19.739.972
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	1.305.735.642
Chi phí tài chính khác	-	240.753.710
Cộng	<u>50.774.817.119</u>	<u>41.491.744.499</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	-	77.185.101
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.717.205	58.868.820
Chi phí dịch vụ mua ngoài	626.083.608	2.520.347.318
Các chi phí khác	18.146.383	68.713.153
Cộng	<u>658.947.196</u>	<u>2.725.114.392</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.348.906.424	4.876.274.500
Chi phí đồ dùng văn phòng	133.653.048	135.290.003
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.481.960.031	2.566.945.127
Thuế, phí và lệ phí	914.859.832	90.556.597
Dự phòng phải thu khó đòi	103.445.981.509	5.423.014.667
Chi phí dịch vụ mua ngoài	441.906.507	929.219.705
Các chi phí khác	4.763.830.012	1.320.801.463
Cộng	<u>116.531.097.363</u>	<u>15.342.102.062</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền điện vùng nuôi cho thuê	2.250.561.789	636.560.896
Thu nhập từ khoản nợ phải trả được xóa nợ	154.795.971.903	-
Thu nhập khác	86.625.799	6.800.000
Cộng	<u>157.133.159.491</u>	<u>643.360.896</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	34.143.618.805	324.699.783
Xử lý công nợ	2.552.200.000	818.352.479
Xử lý hàng tồn kho theo kiểm kê	364.373.357.559	-
Tiền điện	2.250.561.889	-
Xử lý thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	3.627.085.443	-
Chi phí khác	1.008.515.644	-
Cộng	<u>407.955.339.340</u>	<u>1.143.052.262</u>

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(425.667.351.283)	(23.698.349.887)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(425.667.351.283)	(23.698.349.887)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	11.999.998	11.999.998
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>(35.472)</u>	<u>(1.975)</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	11.999.998	11.999.998
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>11.999.998</u>	<u>11.999.998</u>

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	549.110.227	54.227.288.368
Chi phí nhân công	25.753.408.283	19.297.324.445
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.454.751.947	10.212.613.837
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.067.990.115	12.350.752.700
Chi phí khác	122.533.560.015	440.089.519
Cộng	<u>157.358.820.587</u>	<u>96.528.068.869</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thành viên Hội đồng quản trị		
Ông Nguyễn Tuấn Anh		
<i>Xóa nợ phải trả</i>	14.409.179.457	
Ông Nguyễn Tuấn Sĩ		
<i>Ứng trước để đầu tư nuôi cá</i>		9.227.086.320
<i>Thu lợi tiền ứng trước</i>	9.227.086.320	
Thành viên Ban Tổng giám đốc		
Bà Nguyễn Thị Dung		
<i>Trả trước hàng sinh thái</i>	8.800.124.891	9.868.641.617
<i>Thu tiền trả trước hàng sinh thái</i>	8.867.024.975	9.870.527.883

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.4, V.13, V.17.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 372.000.000 VND (năm trước là 246.000.000 VND).

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau, đo rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất
- Lĩnh vực dịch vụ
- Lĩnh vực khác

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	23.199.090.282	53.434.775.328	7.990.407.228	84.624.272.838
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.199.090.282	53.434.775.328	7.990.407.228	84.624.272.838
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(14.847.645.356)	13.997.342.755	(7.550.656.586)	(8.400.959.187)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				117.190.044.559
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(125.591.003.746)
Doanh thu hoạt động tài chính				1.520.649.431
Chi phí tài chính				(50.774.817.119)
Thu nhập khác				157.133.159.491
Chi phí khác				(407.955.339.340)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(425.667.351.283)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22.345.259	51.468.133	7.696.324	81.509.716
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.184.318.302	5.031.169.596	752.339.533	7.967.827.431
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo) ..

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực khác	Cộng
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	137.083.608.114	116.293.811.530		253.377.419.644
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	137.083.608.114	116.293.811.530		253.377.419.644
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(29.272.400.526)	62.501.605.795		33.229.205.269
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				18.067.216.454
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				15.161.988.815
Doanh thu hoạt động tài chính				3.131.097.163
Chi phí tài chính				41.491.744.499
Thu nhập khác				643.360.896
Chi phí khác				1.143.052.262
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(23.698.349.887)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	594.614.456	504.436.544		1.099.051.000
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	5.634.685.675	4.780.141.717		10.414.827.392
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	165.777.567	67.770.379.825		67.936.157.392
Tài sản phân bổ cho bộ phận	21.857.337.429	50.344.298.012	7.528.270.499	79.729.905.940
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				16.438.241.671
Tổng tài sản				164.104.305.003
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	8.915.626.530			8.915.626.530
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	244.302.605.063	207.252.212.722		451.554.817.785
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				4.499.937.089
Tổng nợ phải trả				464.970.381.404
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	398.996.537.975	49.958.094.913		448.954.632.888
Tài sản phân bổ cho bộ phận	154.039.868.011	130.678.522.582		284.718.390.593
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				18.169.919.187
Tổng tài sản				751.842.942.668
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	5.598.298.804			5.598.298.804
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	299.558.314.112	254.127.963.240		553.686.277.352
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				67.757.091.630
Tổng nợ phải trả				627.041.667.786

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực ngoài nước

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Khu vực trong nước	26.738.343.658	178.175.201.609
Khu vực ngoài nước	57.885.929.180	75.202.218.035
Cộng	84.624.272.838	253.377.419.644

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Số liệu so sánh

3a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

3b. Các sai sót

Trong năm tài chính trước Công ty hạch toán thừa doanh thu tài chính khoản lãi tiền gửi có kỳ hạn của Ngân hàng TMCP Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang với số tiền là 4.299.254.563 VND.

Trong các năm tài chính trước Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ phải thu quá hạn thanh toán. Năm 2013 trích thiếu dự phòng là 7.724.673.386 VND và năm 2014 trích thiếu dự phòng là 4.998.389.388 VND

3.c. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới và các sai sót

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới và các sai sót đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
Phải thu ngắn hạn khác	136	6.668.119.226	(3.999.587.068)	2.668.532.158	(i)
Tài sản ngắn hạn khác	155	-465.445.062	(465.445.062)	-	(ii)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(3.481.475.607)	(12.723.062.773)	(16.204.538.380)	(iii)
Phải thu dài hạn khác	216	-	307.979.796	307.979.796	(iv)
Tài sản dài hạn khác	268	307.979.796	(307.979.796)	-	(iv)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21.823.612.219	(17.022.317.337)	4.801.294.882	(v)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
Doanh thu hoạt động tài chính	21	7.430.351.726	(4.299.254.563)	3.131.097.163	(vi)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	10.343.712.674	4.998.389.388	15.342.102.062	(vii)
Thu nhập khác	31	3.413.226.351	(2.769.865.455)	643.360.896	(viii)
Chi phí khác	32	3.912.917.717	(2.769.865.455)	1.143.052.262	(viii)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(1.200)	(775)	(1.975)	(ix)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ					
Lợi nhuận trước thuế	01	(14.400.705.936)	(9.297.643.951)	(23.698.349.887)	(x)
Các khoản dự phòng	03	(1.704.124.813)	8.432.875.122	6.728.750.309	(vi)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	(2.728.193.128)	(2.728.193.128)	(vii)

305
ÔN
VT
G XU

305
ÔN
VT
G XU

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(i)	Phải thu ngắn hạn khác Điều chỉnh hồi tố khoản phải thu khác (TK 1388) và doanh thu tài chính (TK 515) tương ứng trong năm 2014 Trình bày lại do thay đổi chế độ kế toán (chỉ tiêu này bao gồm cả tài khoản tạm ứng) Cộng	(4.299.254.563) 299.667.495 (3.999.587.068)
(ii)	Tài sản ngắn hạn khác Trình bày lại do thay đổi chế độ kế toán (chỉ tiêu này không bao gồm tài khoản tạm ứng và tài khoản tài sản thiếu chờ xử lý) Tài khoản tạm ứng Tài khoản tài sản thiếu chờ xử lý Cộng	 299.667.495 165.777.567 (465.445.062)
(iii)	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi Điều chỉnh hồi tố giá trị dự phòng nợ phải thu khó đòi năm 2014 Trích dự phòng đến thời điểm 31/12/2013 Cộng	4.998.389.388 7.724.673.386 12.723.062.774
(iv)	Phải thu dài hạn khác Trình bày lại do thay đổi chế độ kế toán (chỉ tiêu này bao gồm cả tài khoản các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn).	
(v)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Các điều chỉnh bao gồm: Điều chỉnh hồi tố giá trị dự phòng nợ phải thu khó đòi năm 2014 Trích dự phòng đến thời điểm 31/12/2013 Điều chỉnh hồi tố khoản phải thu khác (TK 1388) và doanh thu tài chính (TK 515) tương ứng trong năm 2014 Cộng	 4.998.389.388 7.724.673.386 4.299.254.563 17.022.317.337
(vi)	Doanh thu hoạt động tài chính Điều chỉnh hồi tố khoản phải thu khác (TK 1388) và doanh thu tài chính (TK 515) tương ứng trong năm 2014	(4.299.254.563)
(vii)	Chi phí quản lý doanh nghiệp Điều chỉnh hồi tố giá trị dự phòng nợ phải thu khó đòi năm 2014	(4.998.389.388)
(viii)	Thu nhập khác, chi phí khác Trình bày lại do thay đổi chế độ kế toán (bù trừ chi thanh lý và thu thanh lý tài sản cố định)	
(ix)	Lãi cơ bản trên cổ phiếu Điều chỉnh lại do ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố doanh thu tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm 2014.	
(x)	Lợi nhuận trước thuế Điều chỉnh lại do ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố doanh thu tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm 2014.	

30.
T
C
N.
S
H
C
O
P
A
T
A
I
E

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và cho vay.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.491.188.857	-	-	-	1.491.188.857
Phải thu khách hàng	2.530.479.245	-	-	142.886.997.715	145.417.476.960
Các khoản cho vay	-	-	-	10.480.000.000	10.480.000.000
Các khoản phải thu khác	3.393.320.223	-	-	1.039.508.233	4.432.828.456
Cộng	7.414.988.325	-	-	154.406.505.948	161.821.494.273
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	876.602.038	-	-	-	876.602.038
Phải thu khách hàng	113.887.238.688	-	-	17.163.434.363	131.050.673.051
Các khoản cho vay	10.480.000.000	-	-	-	10.480.000.000
Các khoản phải thu khác	2.676.844.459	-	-	-	2.676.844.459
Cộng	127.920.685.185	-	-	17.163.434.363	145.084.119.548

4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	347.894.974.078	-	-	347.894.974.078
Phải trả người bán	7.779.350.340	-	-	7.779.350.340
Các khoản phải trả khác	105.195.185.467	-	-	105.195.185.467
Cộng	460.869.509.885	-	-	460.869.509.885

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số đầu năm				
Vay và nợ	392.432.182.477	-	-	392.432.182.477
Phải trả người bán	111.640.455.085	-	-	111.640.455.085
Các khoản phải trả khác	99.133.476.835	-	-	99.133.476.835
Cộng	603.206.114.397	-	-	603.206.114.397

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là cao. Công ty khó có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chỉ liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty chỉ có các khoản cho với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 347.894.974.078 VND (số đầu năm là 392.432.182.477 VND).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 2.957.107.280 VND (năm trước giảm/tăng 3.335.673.551 VND).

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

4d. Tài sản đảm bảo

Công ty thế chấp tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang (xem thuyết minh số V.18). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 0 VND (số đầu năm là 47.652.462 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền	1.491.188.857	-	876.602.038	-
Phải thu khách hàng	145.417.476.960	(79.557.343.841)	131.050.673.051	(16.204.538.380)
Các khoản cho vay	10.480.000.000	(5.240.000.000)	10.480.000.000	-
Các khoản phải thu khác	4.432.828.456	(519.754.117)	2.676.844.459	-
Cộng	161.821.494.273	(85.317.097.958)	145.084.119.548	(16.204.538.380)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	347.894.974.078	392.432.182.477
Phải trả người bán	7.779.350.340	111.640.455.085
Các khoản phải trả khác	105.195.185.467	99.133.476.835
Cộng	460.869.509.885	603.206.114.397

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

6. Thông tin về hoạt động liên tục

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty tiếp tục bị lỗ 425.667.351.283 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 420.866.056.401 VND. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 353.663.228.878 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

7. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 20 tháng 5 năm 2016 Công ty đã tiến hành kiểm kê thực tế toàn bộ hàng tồn kho. Kết quả kiểm kê hàng tồn kho cho thấy thực tế không còn tồn các vật tư, thành phẩm và chi phí sản xuất dở dang như trên sổ sách kế toán đang thể hiện. Ngoài ra bộ phận kế toán cũ không bàn giao lại hồ sơ chứng từ liên quan đến số liệu nhập xuất hàng tồn kho, số liệu kiểm kê tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã trình Hội đồng quản trị Công ty và đã xử lý toàn bộ số dư hàng tồn kho vào chi phí khác trong năm 2015.

Người lập biểu

Trần Minh Trọng

Kế toán trưởng

Trần Minh Trọng



Lập ngày 19 tháng 9 năm 2016
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Sơn